TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2020
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung

Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu.

Ngày 10/9/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 N1 2020 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; chia tài sản chung của vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXX - ST ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N - Sinh Năm 1996

Địa chỉ: Thôn An Khang, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh Năm 1992

Địa chỉ: Thôn Thanh Trung, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 – Sinh Năm 1954, bà Đỗ Thị N1 – Sinh Năm 1954.

Địa chỉ: Thôn Thanh Trung, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Chị N có đơn xin vắng mặt; anh H, ông H1, bà N1 vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 05/4/2017, đăng ký kết hôn do ủy ban nhân dân xã Yên Lợi, huyện Ý Yên tỉnh Nam Định cấp. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại gia đình nhà chồng, được bố mẹ chồng phụ giúp chi phí ăn ở và chăm con, vợ chồng hòa thuận đến đầu N1 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Anh H có tính gia trưởng, không tôn trọng và yêu thương chị. Nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi chửi

và xúc phạm nhau, không còn tôn trọng nhau nữa. Đầu Năm 2020 chị đã đưa con về gia đình bên ngoại để sinh sống. Được hai bên gia đình khuyên bảo chị lại trở về sống cùng anh H nhưng vợ chồng không hòa thuận được. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 24/12/2017. Chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tiết kiệm để làm nhà từ tiền mừng đám cưới, tiền thai sản, tiền lương được 224.000.000 đồng, hiện đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên mang tên anh H, gồm 01 sổ tiết kiệm 140.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm 84.000.000 đồng. Trong đó có 30.000.000 đồng tiền phường và 60.000.000đồng anh H có trước khi kết hôn với chị, anh H không muốn nhập 90.000.000 đồng này vào tài sản chung của vợ chồng thì chị đồng ý. Tài sản chung của vợ chồng chị còn 134.000.000 đồng, chị N đề nghị Tòa án chia tài sản chung mỗi người một nửa, anh H phải trả cho chị 67.000.000 đồng. Việc ông bà H1 gửi tiền anh H chị không biết.

Về nợ chung: Không có

Về các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, anh Nguyễn Văn H trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị N phù hợp với lời khai của chị N. Vợ chồng sống hòa thuận đến đầu N1 2019 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống bất đồng. Trong thời gian chung sống với nhau đã 04 lần chị N bỏ về. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không còn được như trước nữa. Anh H không muốn ly hôn vì còn con cái, còn chị N quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung như chị N trình bày. Anh đề nghị được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 224.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên mang tên anh, là tiền anh có trước khi kết hôn với chị N 140.000.000đồng và bố mẹ anh nhờ anh gửi tiết kiệm hộ 84.000.000đồng, anh đã rút vào tháng 7/2020 để trả cho bố mẹ anh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2020, ông Nguyễn Văn H1, bà Đỗ Thị N1 là bố mẹ đẻ của anh H cho biết: Sau khi kết hôn vợ chồng anh H ở với gia đình ông bà, được ông bà nuôi ăn ở, chăm sóc như bình thường. Nhưng vợ chồng anh H hay cãi nhau, chị N đã có thái độ hỗn láo với gia đình ông, trong

thời gian ở với nhau đã bốn lần chị N bỏ đi bỏ về. Gia đình ông bà cũng khuyên giải rất nhiều. Nay việc chị N có đơn ly hôn thì tùy anh H quyết định. Việc nuôi con, ông bà đề nghị giao con chung của anh chị cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản: Ông bà có cùng quan điểm với anh H: Ông bà có nhờ anh H gửi tiết kiệm hộ 84.000.000đồng, khoảng tháng 7/2020 anh H đã rút trả cho ông rồi, còn 140.000.000đồng là tiền riêng của anh H.

Đại diện địa phương cho biết: Sau khi kết hôn chị N sống cùng anh H tại gia đình ông Nguyễn Văn H1. Thỉnh thoảng có thấy vợ chồng anh chị cãi nhau nhưng chưa báo chính quyền thôn, xã giải quyết. Mâu thuẫn cũng như kinh tế của vợ chồng anh H thế nào địa phương không N1 được. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại Biên bản cung cấp thông tin số 01/TrL – TA ngày 28/7/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên cung cấp như sau: Từ ngày 01/11/2019 cho đến nay hồ sơ, chứng từ ông Nguyễn Văn H gồm: số tài khoản 3214604531906 ngày mở 05/06/2019 số tiền 65.000.000đồng, ngày đóng 08/6/2020, số tiền 69.432.900đồng; số tài khoản 3214601790821 ngày mở 08/06/2020 số tiền 84.000.000đồng, ngày đóng 24/7/2020 số tiền 84.010.600đồng; số tài khoản 3214604577335 ngày mở 28/10/2019 số tiền 140.000.000đồng, ngày đóng 24/7/2020, số tiền 140.103.600 đồng. Hiện nay ông H không có số dư tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng anh H và vợ chồng ông H1 bà N1 không có mặt nên không thống nhất được việc giải quyết vụ án, Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Chủ toạ phiên toà công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị N và thông báo việc anh H, vợ chồng ông H1 bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vụ án được xét xử theo khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên có ý kiến:

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán kể từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, đã thực hiện đúng quy định tại các điều 195,196,197 của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa cơ bản đúng theo quy định;

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử ly hôn giữa chị N và anh H; giao cháu Nguyễn Bảo Trang cho chị N nuôi dưỡng, chấp nhận ý kiến của chị N, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị N về chia tài sản chung của vợ chồng là 134.00.000đồng. Buộc anh H phải trả cho chị N số tiền là 67.000.000đồng. Về các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân chị N, anh H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về án phí sơ thẩm ly hôn chị N phải nộp theo quy định; án phí chia tài sản chung của vợ chồng, chị N và anh H phải nộp theo quy định.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Trung, xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; chia tài sản chung của vợ chồng của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Văn H1 bà Đỗ Thị N1, nhưng anh H, ông H1, bà N1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại các Điều 207, 227 của bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, ông H1, bà N1.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lợi huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 05/4/2017, là hôn nhân hợp pháp. Dù đã có một con chung với nhau nhưng hạnh phúc không duy trì được. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống bất đồng, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Sau nhiều lần chị N bỏ đi bỏ về, anh chị cũng đã cố gắng và được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng đến nay vợ chồng cũng không hòa thuận được. Chị N có đơn ly hôn, anh H cũng đồng ý. Xét quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị N, xử ly hôn cho anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 24/12/2017. Mặc dù cả chị N, anh H đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng xét thấy con chung còn quá nhỏ, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho con chung, cần thiết phải giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng:

Đối với số tiền 224.000.000 đồng, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 13/8/2020 anh H, vợ chồng ông H1 bà N1 cho rằng đó là tài sản riêng của anh H 140.000.000 đồng và của ông H1 bà N1 84.000.000 đồng. Chị N có lời khai số tiền 224.000.000 đồng trong đó có 90.000.000 đồng anh H có trước khi cưới chị, còn 134.000.000 đồng là tiền mừng đám cưới, tiền thai sản và vợ chồng tiết kiệm để làm nhà, gửi vào Ngân hàng đứng tên chồng là anh Nguyễn Văn H. Chị đồng ý tách 90.000.000đồng là tài sản riêng của anh H.

Trong quá trình giải quyết, anh H không xuất trình được cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì để khẳng định số tiến 224.000.000 đồng là của riêng anh và của bố mẹ anh; Ông H1, bà N1 cũng không xuất trình được cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì để khẳng định tài sản của ông bà là 84.000.000 đồng gửi anh H trong tổng số tiền 224.000.000 đồng. Ông bà cũng cho biết anh H đã trả cho ông bà số tiền 84.000.000 đồng và không có đề nghị gì. Do vậy không có căn cứ xác định vợ chồng ông H1 bà N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên cung cấp: Từ ngày 01/11/2019 cho đến nay hồ sơ, chứng từ ông Nguyễn Văn H gồm: số tài khoản 3214604531906 ngày mở 05/06/2019 số tiền 65.000.000đồng, ngày đóng 08/6/2020, số tiền 69.432.900đồng; số tài khoản 3214601790821 ngày mở 08/06/2020 số tiền 84.000.000đồng, ngày đóng 24/7/2020 số tiền 84.010.600đồng; số tài khoản 3214604577335 ngày mở 28/10/2019 số tiền 140.000.000đồng, ngày đóng 24/7/2020, số tiền 140.103.600 đồng. Hiện nay ông H không có số dư tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ý Yên.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận khoản tiền 134.000.000 đồng là tài sản chung của chị N và anh H có trong thời kỳ hôn nhân, do anh H trực tiếp quản lý là phù hợp với Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét đề nghị của chị Phạm Thị N về chia tài sản chung của vợ chồng là 134.000.000 đồng do anh H đang quản lý, mỗi người ½ là 67.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Buộc anh H phải trả cho chị N số tiền là 67.000.000 (sáu mươi bẩy triệu) đồng. Là phù hợp với quy định tại điều 59 luật hôn nhân và gia đình.

Về các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn chị N phải nộp; án phí dân sơ thẩm có giá ngạch chị N và anh H phải nộp theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 N1 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều Điều 33, 38, 51, 56, 57, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tình cảm: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Trang, sinh ngày 24/12/2017 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của chị Phạm Thị N đối với số tiền 134.000.000 (một trăm ba mươi bốn triệu) đồng do anh H đang quản lý. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho chị Phạm Thị N số tiền 67.000.000 (sáu mươi bẩy triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Nguyên đơn) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (Bị đơn) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn chị N phải phải nộp 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị N phải nộp 3.350.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0001477 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, chị N đã nộp đủ và được hoàn lại 2.250.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.350.000 (ba triệu ba trăm N1 mươi nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị N, anh H được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Lợi;
- UBND xã yên Bình;
- Lưu: HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tiến Mãn